

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DSST
Ngày: 29/4/2025
V/v: T.C hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long.

Ông Tô Huy Bân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 và ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST - KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐST- KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

+ Công ty cổ phần M.

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, D, Cầu G, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1 – chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền B (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Đức T2, ông Phạm Thành H và ông Đặng Hồng L, chuyên viên xử lý nợ (ông T2 có mặt, ông H và ông L vắng mặt) theo Văn bản ủy quyền số 1787/2024/UQ- Mars ngày 30/10/2024.

+ Ngân hàng thương mại cổ phần V1.

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L1, bà Trịnh Thị Thanh H1, ông Phạm Tuấn A, ông Đỗ Thành T3, ông Nguyễn Hồng B, ông Đào Tuấn V - Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (vắng mặt) theo Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2024.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1983 (vắng mặt) và bà Vũ Hải Đ, sinh năm 1985 (đã chết năm 2022).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Đ1, sinh năm 1957 (vắng mặt);
2. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1983 (vắng mặt);
3. Cháu Nguyễn Trúc A1, sinh ngày 18/6/2008 (vắng mặt);
4. Cháu Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 20/3/2014 (vắng mặt);
5. Cháu Nguyễn Trúc U, sinh ngày 04/8/2010 (vắng mặt);
6. Cháu Nguyễn Tuấn N1, sinh ngày 29/02/2016 (vắng mặt);

Người giám hộ của các cháu A1, N, U, N1: Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1983 (vắng mặt) .

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

7. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1981 (có mặt);
8. Bà Võ Thị Hồng A2, sinh năm 1995 (vắng mặt);
9. Cháu Nguyễn Vy Trung H2, sinh ngày 24/4/2010 (vắng mặt);
10. Cháu Nguyễn Võ Tuấn H3, sinh ngày 18/12/2019 (vắng mặt)
11. Cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 19/12/2021 (vắng mặt)

Người giám hộ cho các cháu H2, H3, P là ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị Hồng A2 (ông K có mặt, bà Hồng A2 vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/12/2020, giữa ngân hàng thương mại cổ phần V1 (sau đây gọi tắt là ngân hàng) và ông Nguyễn Văn T4, bà Vũ Hải Đ có ký một hợp đồng tín dụng số LN2012123142454. Theo nội dung của hợp đồng tín dụng ngân hàng cho ông T4, bà Đ vay số tiền 2.171.000.000đ; thời hạn vay 300 tháng; mục đích

vay: thanh toán tiền mua bất động sản; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày 21/12/2020. Hết thời hạn 12 tháng lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10% tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng ngân hàng đã giải ngân cho ông T4, bà Đ toàn bộ số tiền 2.171.000.000đ vào tài khoản của ông Nguyễn Văn K theo ủy quyền chi ngày 19/12/2020 do ông T4 ký.

Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng này, ngày 18/12/2020 vợ chồng ông T4, bà Đ đăng ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3142454/TC với ngân hàng thương mại cổ phần V1. Theo nội dung hợp đồng thế chấp này: Vợ chồng ông T4, bà Đ đồng ý thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 55, tờ bản đồ số 28, diện tích 115m² tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V403849 ngày 19/12/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn L2. Ngày 17/12/2020, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y chứng nhận sang tên cho ông Nguyễn Văn T4 và bà Vũ Hải Đ.

Tài sản này được chứng nhận đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y ngày 21/12/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/4/2025 ông T4, bà Đ đã trả Ngân hàng được số tiền gốc 231.828.044đ; tiền lãi là: 657.425.692đ.

Ngày 31/5/2024, ngân hàng đã bán khoản nợ của ông T4, bà Đ cho công ty cổ phần M theo hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB- Mars và phụ lục đính kèm. Theo hợp đồng này ngân hàng đồng ý bán và công ty cổ phần M đồng ý mua khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các hợp đồng tín dụng/hợp đồng cho vay mà ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Hải Đ2 đã ký kết với ngân hàng.

Ngày 30/11/2024, ngân hàng tiếp tục bán cho công ty cổ phần M một phần khoản nợ của ông T4, bà Đ2 theo hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB- Mars và phụ lục đính kèm.

Tính đến hết ngày 29/4/2025 ông T4, bà Đ2 còn nợ công ty cổ phần M tổng số tiền là: 2.503.177.832đ trong đó nợ gốc là: 1.919.780.236đ và lãi trong hạn là: 129.494.841đ; lãi quá hạn: 418.980.203đ; lãi chậm trả: 34.922.552đ. Và nợ ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền là: 25.284.625đ, trong đó nợ gốc là: 19.391.720đ và lãi trong hạn là: 1.308.029đ; lãi quá hạn: 4.232.123đ; lãi chậm trả: 352.753đ.

Nay ngân hàng và công ty cổ phần M yêu cầu ông T4 phải trả toàn bộ số tiền này. Cụ thể, ông T4 phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần V1 tổng số tiền là: 25.284.625đ, trong đó nợ gốc là: 19.391.720đ và lãi trong hạn là: 1.308.029đ; lãi quá hạn: 4.232.123đ; lãi chậm trả: 352.753đ và trả cho công ty cổ phần M tổng số tiền 2.503.177.832đ trong đó nợ gốc là: 1.919.780.236đ và lãi trong hạn là: 129.494.841đ; lãi quá hạn: 418.980.203đ; lãi chậm trả: 34.922.552đ.

Nếu ông T4 không trả được nợ thì ngân hàng và công ty cổ phần M đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất mà ông T4, bà Đ2 đã thế chấp cho ngân hàng để ngân hàng và công ty cổ phần M thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T4: Mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lên Tòa án làm việc. Tòa án tiến hành xuống gia đình ông T4 để lấy lời khai của ông T4 xong không gặp được ông T4. Do vậy, Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của ông T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Đ3 trình bày: Bà là mẹ đẻ của bà Vũ Hải Đ. Việc bà Đ, ông T4 vay tiền ngân hàng bà không biết. Bà không được sử dụng số tiền mà ông T4, bà Đ vay ngân hàng. Việc ông T4, bà Đ đăng ký hợp đồng thế chấp với ngân hàng bà cũng không biết. Nay bà Đ chết bà từ chối là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ cũng như các quyền thừa kế đối với tài sản của bà Đ. Bố bà Đ là ông Vũ Trường S cũng đã chết năm 2013.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Trúc A1, cháu Nguyễn Tuấn N, cháu Nguyễn Trúc U, cháu Nguyễn Tuấn N1 do ông T4 là người giám hộ cho các cháu, Tòa án cũng đã tiến hành xuống gia đình lấy lời khai xong không gặp được các cháu nên không lấy được lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông là anh ruột của ông Nguyễn Văn T4 là bị đơn trong vụ án. Hiện tại, gia đình

ông đang ở trên thửa đất số 55, tờ bản đồ số 28, diện tích 115m² tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Hiện tại, ông đang kinh doanh trên đất. Tài sản trên đất như bàn ghế là của ông ngoài ra ông không còn tài sản nào khác. Từ khi sống trên thửa đất ông có sửa chữa một số công trình nhưng ông không có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Hồng A2, cháu Nguyễn Vy Trung H2, cháu Nguyễn Võ Tuấn H3, cháu Nguyễn Gia P: Tòa án đã tiến hành đi lấy lời khai xong không gặp được nên không tiến hành lấy lời khai được của những người này.

Tại phiên tòa hôm nay;

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là công ty cổ phần M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn chỉ đề nghị Tòa án buộc ông T4 trả nợ cho nguyên đơn mà không yêu cầu bà Đ3, cháu Trúc A1, cháu N, cháu Trúc U, cháu N1 phải trả nợ cho nguyên đơn và không yêu cầu ông T4 phải trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả. Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông T4 phải trả cho công ty cổ phần M tổng số tiền 2.468.255.280đ trong đó nợ gốc là: 1.919.780.236đ và lãi trong hạn là: 129.494.841đ; lãi quá hạn: 418.980.203đ. Công ty cổ phần M và ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nếu ông T4 không trả được nợ cho ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại cổ phần V1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án buộc ông T4 phải trả nợ cho nguyên đơn mà không yêu cầu bà Đ3, cháu Trúc A1, cháu N, cháu Trúc U, cháu N1 phải trả nợ và phía ngân hàng cũng không yêu cầu ông T4 phải trả tiền lãi chậm trả. Nguyên đơn là ngân hàng yêu cầu ông T4 phải trả tổng số tiền là: 24.931.872đ, trong đó nợ gốc là: 19.391.720đ và lãi trong hạn là: 1.308.029đ; lãi quá hạn: 4.232.123đ

Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định.

Về tiền án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, ông K là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280, 282, 292, 293, 295, 299, 317, 318 BLDS 2015; Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Ngân hàng N2; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP V1 và công ty cổ phần M.

Buộc ông Nguyễn Văn T4 phải trả ngân hàng thương mại cổ phần V1 tổng số tiền là: 24.931.872đ, trong đó nợ gốc là: 19.391.720đ và lãi trong hạn là: 1.308.029đ; lãi quá hạn: 4.232.123đ; và trả cho công ty cổ phần M tổng số tiền 2.468.255.280đ trong đó nợ gốc là: 1.919.780.236đ và lãi trong hạn là: 129.494.841đ; lãi quá hạn: 418.980.203đ.

Kể từ ngày 30/4/2025, ông Nguyễn Văn T4 tiếp tục phải chịu các khoản tiền lãi theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông Nguyễn Văn T4 trả hết nợ cho ngân hàng và công ty cổ phần M.

Nếu ông Nguyễn Văn T4 không trả nợ đầy đủ cho ngân hàng và công ty cổ phần M thì phía ngân hàng và công ty cổ phần M có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp mà ông T4, bà Đ đã ký để ngân hàng và công ty cổ phần M thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

+ Ông T4 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

+ Chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quyền khởi kiện: Ngày 31/5/2024, giữa ngân hàng thương mại cổ phần V1 và công ty cổ phần M ký hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB- Mars và ngày 30/11/2024, giữa ngân hàng thương mại cổ phần V1 và công ty cổ phần

M tiếp tục ký hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB- Mars ngày 30/11/2024 và phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB- Mars ngày 30/11/2024, theo đó Ngân hàng bán cho Công ty M 99% tổng số nợ của ông T4, bà Đ. Do vậy, một phần quyền của ngân hàng thương mại cổ phần V1 đã chuyển giao sang công ty cổ phần M nên khi ông T4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng và công ty cổ phần M đều có quyền khởi kiện.

- Quan hệ pháp luật: Tại giai đoạn thụ lý và chuẩn bị xét xử, Tòa án thụ lý đây là vụ án kinh doanh thương mại bởi căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn giao nộp. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã có văn bản gửi Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Y thì được Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Y cung cấp: Cá nhân ông Nguyễn Văn T4 có đăng ký kinh doanh với ngành nghề đăng ký: Vận tải hành khách bằng taxi; cho thuê xe có động cơ; bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Theo hợp đồng tín dụng được ký giữa ngân hàng với ông T4, bà Đ thì mục đích vay của ông T4, bà Đ là vay để thanh toán tiền mua bất động sản tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 28 tại T, Y, Y, Bắc Ninh nên vụ án này quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc vụ án dân sự mà không phải là vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Ngày 30/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong thụ lý vụ án. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T4, bà Vũ Hải Đ, Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định bị đơn là ông Nguyễn Văn T4 và bà Vũ Hải Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong được Ủy ban nhân dân xã Y cung cấp giấy chứng tử của bà Vũ Hải Đ. Theo giấy chứng tử thì bà Vũ Hải Đ là bị đơn trong vụ án đã chết vào ngày 22/11/2022 là trước thời điểm Tòa án nhân dân huyện Yên Phong thụ lý vụ án, bà Đ có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa, Ngân hàng, Công ty M khởi kiện và chỉ yêu cầu ông T4 thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong không xác định bà Vũ Hải Đ là bị đơn trong vụ án mà chỉ xác định bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Văn T4 và đưa những người ở hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ là bà Lê Thị Đ3, ông Nguyễn Văn T4, cháu Nguyễn Trúc A1, cháu Nguyễn Tuấn N, cháu Nguyễn Trúc U, cháu Nguyễn Tuấn N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông K có mặt các đương sự khác vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ ba lần theo quy định. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Văn T4 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Đ3, ông Nguyễn Văn T4, cháu Nguyễn Trúc A1, cháu Nguyễn Tuấn N, cháu Nguyễn Trúc U, cháu Nguyễn Tuấn N1, bà Võ Thị Hồng A2, cháu Nguyễn Vy Trung H2, cháu Nguyễn Võ Tuấn H3 và cháu Nguyễn Gia P.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số LN2012123142454 ngày 19/12/2020, được ký giữa ngân hàng thương mại cổ phần V1 với ông Nguyễn Văn T4, bà Vũ Hải Đ là hợp pháp. Bởi khi ký kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng về thời hạn vay, lãi suất, lãi phạt điều tự nguyện và tuân thủ theo đúng quy định của ngân hàng N2, nội dung và hình thức của các hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy đây là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi và có tài sản bảo đảm. Việc ông Nguyễn Văn T4, bà Vũ Hải Đ không thanh toán trả nợ cho phía Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ông T4, bà Đ cũng đã được giải ngân đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký nên khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ và ngân hàng khởi kiện thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay bà Đ là người cùng ký hợp đồng tín dụng với ông T4 đã chết nên theo quy định của pháp luật ông T4 phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[3]. Xét yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần V1 và công ty cổ phần M đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T4 phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần V1 tổng số tiền là: 24.931.872đ, trong đó nợ gốc là: 19.391.720đ và lãi trong hạn là: 1.308.029đ; lãi quá hạn: 4.232.123đ; và trả cho công ty cổ phần M tổng số tiền 2.468.255.280đ trong đó nợ gốc là: 1.919.780.236đ và lãi trong hạn là: 129.494.841đ; lãi quá hạn: 418.980.203đ tạm tính đến ngày 29/4/2025 Hội đồng xét xử thấy: Theo hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB- Mars ngày 31/5/2024 thì công ty cổ phần M mua lại số nợ của ông T4, bà Đ với tổng số nợ là 90%. Sau đó, theo hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB- Mars ngày 30/11/2024 và phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB- Mars ngày 30/11/2024 được ký giữa ngân hàng thương mại cổ phần V1 và công ty cổ phần M thì công ty cổ phần M tiếp tục mua thêm 9% số nợ của ông T4, bà

Đ. Do đó, 99% số nợ của ông T4, bà Đ đã được chuyển sang công ty cổ phần M và 1% số nợ còn lại là ông T4, bà Đ nợ ngân hàng thương mại cổ phần V1. Do vậy, việc ngân hàng thương mại cổ phần V1, công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu ông T4 trả số tiền gốc, lãi như trên là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng cũng như công ty cổ phần M buộc ông T4 phải trả cho ngân hàng và công ty cổ phần M số tiền còn nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét hợp đồng thế chấp được ký giữa ngân hàng thương mại cổ phần V1 Hội đồng xét xử thấy: Tài sản thế chấp trong hợp đồng là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 28, diện tích 115m² tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đã được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/12/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn L2. Ngày 17/12/2020, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y chứng nhận sang tên cho ông Nguyễn Văn T4 và bà Vũ Hải Đ nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông T4, bà Đ. Do vậy, việc ông T4, bà Đ đăng ký hợp đồng thế chấp với ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật. Hình thức, nội dung của hợp đồng thế chấp đều tuân thủ các quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và các bên có nghĩa vụ thực hiện. Ngày 22/12/2022, bà Vũ Hải Đ chết theo quy định tại Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình thì khi bà Đ chết ông T4 vẫn phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Do vậy, trong trường hợp ông Nguyễn Văn T4 không thanh toán trả nợ đầy đủ cho ngân hàng, công ty cổ phần M thì phía ngân hàng, công ty cổ phần M có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp mà ông T4, bà Đ đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không đề nghị ông T4 trả số tiền lãi chậm trả, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi, yêu cầu khởi kiện ban đầu, việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận đối với yêu cầu này.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ngân

hàng thương mại cổ phần V1, công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280, 282, 292, 293, 295, 317, 318, 319, 325, 327, 466, 470, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 33; 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 7 Điều 113; Điều 130 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 26, 147, 157, 227, 235, 264 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điểm đ khoản 1, 2 Điều 12, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 và công ty cổ phần M.

- Buộc ông Nguyễn Văn T4 phải trả Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 29/4/2025 theo Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số LN2012123142454 ngày 19/12/2020 là 24.931.872đ, trong đó nợ gốc là: 19.391.720đ và lãi trong hạn là: 1.308.029đ; lãi quá hạn: 4.232.123đ.

(Theo Thông báo xác nhận dư nợ ngày 29/4/2025 của Ngân hàng TMCP V1).

- Buộc ông Nguyễn Văn T4 phải trả công ty cổ phần M tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 29/4/2025 theo hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB- Mars ngày 31/5/2024 và hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB- Mars ngày 30/11/2024 và phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB- Mars ngày 30/11/2024 được ký giữa ngân hàng thương mại cổ phần V1 và công ty cổ phần M là 2.468.255.280đ trong đó nợ gốc là: 1.919.780.236đ và lãi trong hạn là: 129.494.841đ; lãi quá hạn: 418.980.203đ

(Theo Thông báo xác nhận dư nợ ngày 29/4/2025 của công ty cổ phần M).

Kể từ ngày 30/4/2025, ông Nguyễn Văn T4 tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần V1, công ty cổ phần M.

Nếu ông Nguyễn Văn T4 không trả nợ đầy đủ cho ngân hàng thương mại cổ phần V1, công ty cổ phần M thì ngân hàng thương mại cổ phần V1, công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông Nguyễn Văn T4, và bà Vũ Hải Đ đã thế chấp tại ngân hàng để ngân hàng thương mại cổ phần V1, công ty cổ phần M thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất diện tích 115m² thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 28 tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (thửa đất đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y chứng nhận sang tên cho ông Nguyễn Văn T4, bà Vũ Hải Đ ngày 17/12/2020) cho ngân hàng.

2. Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T4 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 81.863.700đ (đã làm tròn số).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V1 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002514 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Hoàn trả công ty cổ phần M 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002513 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- THADS huyện Yên Phong;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Ngô Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Long Tô Huy Bân

Ngô Thị Thu Hiền

